

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **46/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/8/2023

V/v: “*Ly hôn,
nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Trọng Di

2. Bà: Nguyễn Thị Bích Lam

- *Thư ký phiên tòa:* ông Hán Tấn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố HT3, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn C1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu phố HT3, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 31 tháng 3 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Trần Văn C1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2021 thì bà phát hiện ông C1 sa vào việc cờ bạc, ông C1 làm ra tiền nhưng không đem về chăm lo cho gia đình mà dành khoản tiền kiếm được vào cờ bạc, tụ tập bạn bè. Bà có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông C1 không thay đổi nên dẫn đến sự việc giữa bà và ông

C1 bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau cũng vì vấn đề kinh tế gia đình. Hơn nữa trong thời gian sống chung ông C1 không quan tâm đến vợ con. Ông C1 hiện đang chấp hành án tại trại giam Sông Cái. Nay, bà Nguyễn Thị C nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn C1.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 có 02 người con chung tên Trần Gia B (sinh ngày 09/11/2017) và Trần Văn T (sinh ngày 14/10/2021). Hiện bà Nguyễn Thị C đang nuôi dưỡng 02 con.

Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Trần Văn C1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Văn C1*: Đang chấp hành án tại Trại Giam Sông Cái, tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình giải quyết Tòa án có ghi nhận lời khai của ông vào ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trại Giam Sông Cái, ông Trần Văn C1 trình bày:

- *Về hôn nhân*: ông và bà Nguyễn Thị C tự nguyện tìm hiểu yêu thương, tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào năm 2017. Trong cuộc sống chung, vợ chồng thường cãi nhau nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, bà C thường hay xúc phạm ông, không quan tâm đến ông. Khi ông đi chấp hành án tại Trại giam Sông Cái bà C có đến thăm ông nhưng chủ yếu là đến gặp ông đặt vấn đề ly hôn với ông. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị C vì vợ chồng có sự mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc.

- *Về con chung*: ông và bà Nguyễn Thị C có 02 người con chung tên Trần Gia B (sinh ngày 09/11/2017) và Trần Văn T (sinh ngày 14/10/2021). Hiện bà Nguyễn Thị C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Trần Văn C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa*:

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C đối với ông Trần Văn C1. Bà C được ly hôn với ông C1; Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Gia B (sinh ngày 09/11/2017) và Trần Văn T (sinh ngày 14/10/2021) cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về án phí: Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông Trần Văn C1; Ông Trần Văn C1 có đăng ký thường trú tại Khu phố HT3, thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trại giam Sông Cái, bị đơn ông Trần Văn C1 yêu cầu Tòa xem xét xử vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C1 theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C:

- *Xét về hôn nhân:*

Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 173/2017, ngày 14/7/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận). Quá trình chung sống do bà C và ông C1 tính tình không phù hợp, ông C1 cờ bạc, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Bà C có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông C1 không thay đổi nên giữa bà C và ông C1 thường hay bất đồng quan điểm sống, phát mâu thuẫn xúc phạm lẫn nhau dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm nhau, không muốn hàn gắn tình cảm. Cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 có 02 người con chung tên Trần Gia B (sinh ngày 09/11/2017) và Trần Văn T (sinh ngày 14/10/2021). Hiện bà C đang nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành.

Xét thấy: Từ khi ông C1 đi chấp hành án thì bà C là người nuôi dưỡng chăm sóc 02 người con chung tên Trần Gia B và Trần Văn T. Do đó nhằm ổn định

tâm lý và đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao 02 người con chung tên Trần Gia B và Trần Văn T cho bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành.

Ông Trần Văn C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Trần Văn C1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị C là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Trần Văn C1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn C1 có 02 người con chung tên Trần Gia B (sinh ngày 09/11/2017) và Trần Văn T (sinh ngày 14/10/2021).

Giao 02 người con chung tên Trần Gia B và Trần Văn T cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Trần Văn C1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0017066 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong nên bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2023). Đối với bị đơn ông Trần Văn C1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P;
- Trại giam Sông Cái;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

Huỳnh Hải Âu

